TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST Ngày: 05 – 5 - 2020 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hùng.

2. Ông Bùi Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên toà xét xử sơ thẩm số 04/TB-TA ngày 30/3/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp AB, xã ĐY, huyện LV, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Lê Thành L, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp AB, xã ĐY, huyện LV, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày:

1. Về hôn nhân: Vào năm 2011 chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lê Thành L được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và đến ngày 11/10/2013 đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Đ, huyện L, tỉnh Đ. Uỷ ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 146/2013 theo đúng quy định của pháp luật. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và xa nhau cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh L.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hoàng Bảo Ng, sinh ngày 31/01/2015. Con hiện nay đang do chị N nuôi dưỡng, khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

- Bị đơn Lê Thành L đã được Toà án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án nhưng anh L không có văn bản trình bày ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Toà án cũng đã tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai nhưng anh L cũng không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị N nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án cũng đã triệu tập bị đơn hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị Bích N và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Chị N và anh L tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân giữa chị N và anh L là hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị N và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị N và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không có yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thành L và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn Lê Thành L có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Thành L đến phiên toà lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Thành L.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lê Thành L tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 146/2013 vào ngày 11 tháng 10 năm 2013 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L là hợp pháp. Chị N trình bày vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 02 năm 2019 vợ chồng đã sống xa nhau, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống. Bị đơn anh Lê Thành L đã được Toà án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh L không có văn bản trình bày ý kiến của mình cũng như không đến Toà án để trực tiếp trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Xét thấy chị N và anh L đã sống xa nhau từ tháng 02/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mạnh ai nấy sống. Tại phiên toà ngày hôm nay chị N nhất quyết yêu cầu ly hôn với anh L. Còn anh L cũng không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình mà không có lý do, điều đó thể hiện anh L không mong muốn Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích N đối với anh Lê Thành L.

[2.2] Về con chung: Theo chị N trình bày vợ chồng sống chung có 01 con chung tên Lê Hoàng Bảo Ng, sinh ngày 31/01/2015, hiện nay cháu Ng đang do chị N nuôi dưỡng. Sau ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con

chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi chị N và anh L sống xa nhau, con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đã ổn định và chị N khẳng định chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Thành L cũng không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung tên Lê Hoàng Bảo Ng cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết còn anh L không trình bày ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí sơ là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Lê Thành L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn với anh Lê Thành L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Hoàng Bảo Ng, sinh ngày 31/01/2015 cho chị Nguyễn Thị Bích N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh Lê Thành L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chị Nguyễn Thị Bích N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và anh Lê Thành L không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của Nguyễn Thị Bích N.

3 Về cấp dưỡng nuôi: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai số BH/2018/0009111 ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

7. Chị Nguyễn Thị Bích N được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Thành L được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đươc niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; (CNKH 146/2013)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Văn Nội